TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – ĐỒNG THÁP** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 61/2025/HNGĐ-ST Ngày: 31/12/2025 V/v Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – ĐỒNG THÁP, TỈNH ĐỒNG THÁP

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đoàn Thị Cẩm Hừng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Kiều;

2. Bà Bùi Thị Hoàng.

- Thư ký phiên toà: Ông Đặng Nam Quang - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 6 - Đồng Tháp, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 31 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 6 - Đồng Tháp, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 103/2025/TLST–HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2025, về việc *"Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 251/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Dương Thị Thúy, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Số 34, đường THĐ, Tổ 25, Khóm H, Phường M, thành phố C (nay là Khóm 2, Phường C), tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh Trần Trung T, sinh năm 1990.

Địa chỉ thường trú: Số 34, đường THĐ, Tổ 25, Khóm H, Phường M, thành phố C (nay là Khóm 2, Phường C), tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ nơi làm việc: Xưởng cưa đường ĐT 846, Tổ 12, Ấp 2, xã MT, thành phố C (nay là Phường MN), tỉnh Đồng Tháp.

(Chị Dương Thị Thúy L có mặt, anh Trần Trung T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/4/2025, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Dương Thị Thúy L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân:

Chị Dương Thị Thúy L và anh Trần Trung T tự nguyện tìm hiểu và tổ chức đám cưới vào năm 2009, đến năm 2011 vợ chồng đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân nhân dân phường 1, T phố Cao Lãnh (nay là Ủy ban nhân dân Phường Cao

Lãnh), theo giấy chứng nhận kết hôn số 39/2011, ngày 06/5/2011. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, về sau vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống. Chị L và anh T không còn chung sống với nhau từ năm 2021, thời gian xa nhau vợ chồng đã nhiều lần tìm cách hòa giải, hàn gắn tình cảm nhưng không T, vợ chồng không còn liên lạc với nhau từ năm 2024 cho đến nay. Nay chị L nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Dương Thị Thúy L yêu cầu được ly hôn với anh Trần Trung T.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Trần Kỳ A, sinh ngày 27/02/2010, Trần Kỳ Th, sinh ngày 27/02/2010 và Trần Kỳ D, sinh ngày 04/02/2020. Hiện nay con chung tên Trần Kỳ A và Trần Kỳ Th đang sống chung với cha là anh Trần Trung T. Con chung tên Trần Kỳ D đang sống chung với mẹ là chị Dương Thị Thúy L. Sau khi ly hôn, chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Kỳ D. Chị L đồng ý giao hai con chung tên Trần Kỳ A và Trần Kỳ Th cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung Trần Kỳ D và chị L không tự nguyện cấp dưỡng 02 con chung Trần Kỳ A và Trần Kỳ Th.

Về tài sản chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Trần Trung T: Toà án nhân dân Khu vực 6 - Đồng Tháp đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T nhưng anh T không có văn bản trình bày ý kiến về nội dung vụ án, không cung cấp tài liệu chứng cứ liên quan đến vụ án, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện nguyên đơn chị Dương Thị Thúy L yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Trần Trung T, chị L đồng ý để anh T được nuôi dưỡng hai con chung Trần Kỳ A và Trần Kỳ Th, chị L không tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con chung, chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Kỳ D, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Ngoài ra nguyên đơn, bị đơn không còn yêu cầu nào khác nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con".

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Anh Trần Trung T là bị đơn trong vụ án có địa chỉ thường trú tại Số 34, đường THĐ, Tổ 25, Khóm H, Phường M, thành phố C (nay là Khóm 2, Phường C), tỉnh Đồng Tháp; địa chỉ nơi làm việc: Xưởng cưa đường ĐT 846, Tổ 12, Ấp 2, xã MT, thành phố C (nay là Phường MN), tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ

luật tố tụng dân sự xác định thẩm quyền giải quyết thuộc Toà án nhân dân Khu vực 6 - Đồng Tháp, tỉnh Đồng Tháp.

[1.3] Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với anh Trần Trung T nhưng anh T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị Thúy L và anh Trần Trung T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 39/2011 ngày 06/5/2011 của Ủy ban nhân dân Phường 1, T phố Cao Lãnh (nay là UBND Phường Cao Lãnh) nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Chị L trình bày trong quá trình chị L và anh T chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Anh T không có văn bản thể hiện sự phản đối với lời trình bày của chị L.

Hội đồng xét xử nhận định, trong quá trình chị L và anh T chung sống việc phát sinh mâu thuẫn là có thật. Chị L xác định chị L và anh T không còn chung sống với nhau từ năm 2021 cho đến nay, thời gian xa nhau vợ chồng nhiều lần tìm cách hàn gắn lại tình cảm nhưng không T, chị L và anh T không còn liên lạc với nhau từ năm 2024 cho đến nay. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị L xác định chị L và anh T đã không còn tình cảm với nhau, mỗi người đều có cuộc sống riêng. Về phía anh T, mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T nhưng đến nay anh T vẫn không đến Tòa án trình bày ý kiến hay có văn bản thể hiện phản đối yêu cầu ly hôn của chị L và anh T cũng không có hành động nào thể hiện ý muốn hàn gắn tình cảm với chị L. Do mâu thuẫn giữa chị L và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Dương Thị Thúy L, chị Dương Thị Thúy L được ly hôn với anh Trần Trung T.

[2.2] Về con chung: Chị L và anh T có 03 con chung tên Trần Kỳ A, sinh ngày 27/02/2010, Trần Kỳ Th, sinh ngày 27/02/2010 và Trần Kỳ D, sinh ngày 04/02/2020. Hiện nay hai con chung tên Trần Kỳ A và Trần Kỳ Th đang sống chung với anh Trần Trung T. Con chung tên Trần Kỳ D đang sống chung với chị Dương Thị Thúy L. Sau khi ly hôn, chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Kỳ D. Chị L đồng ý giao con chung tên Trần Kỳ A và Trần Kỳ Th cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy, hai con chung Trần Kỳ A và Trần Kỳ Th hiện nay đã trên 07 tuổi nhưng từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay, chị L và anh T không cung cấp cho Tòa án văn bản thể hiện nguyện vọng của cháu Kỳ A và cháu Kỳ Th về việc muốn được chung sống với ai sau khi chị L và anh T ly hôn. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị L trình bày do chị L đã không còn liên lạc với anh T từ năm 2024 cho đến nay nên chị L không cung cấp được văn bản trình bày nguyện vọng của hai con Kỳ A và Kỳ Th, hiện chị L cũng không biết được con chung Kỳ A và Kỳ Th đang sinh sống, học tập tại đâu. Hội đồng xét xử nhận định, hiện nay hai con chung Kỳ A và Kỳ Th đang sống với anh

T, Kỳ D đang sống với chị L, việc anh T tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung Kỳ A và Kỳ Th, chị L được nuôi dưỡng Kỳ D là đảm bảo sự ổn định môi trường sống cho các cháu, hiện nay chị L và anh T đều có điều kiện nuôi con, do đó yêu cầu của chị L là phù hợp theo quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung Trần Kỳ D và chị L không tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con chung Trần Kỳ A và Trần Kỳ Th. Anh Trần Trung T không có văn bản yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi hai con chung Kỳ A và Kỳ Th nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Chị L trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Chị L trình bày vợ chồng không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Anh Trần Trung T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Dương Thị Thúy L. Chị Dương Thị Thúy L được ly hôn với anh Trần Trung T.

2. Về con chung:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Thúy L. Sau khi ly hôn, chị Dương Thị Thúy L được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Kỳ D, sinh ngày 04/02/2020. Anh Trần Trung T được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung Trần Kỳ A, sinh ngày 27/02/2010 và Trần Kỳ Th, sinh ngày 27/02/2010.

Sau khi ly hôn, người không được quyền nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp người không được quyền nuôi con chung lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người được quyền nuôi con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không được quyền nuôi con chung.

Người được quyền nuôi con chung cùng các T viên gia đình không được cản trở người không được quyền nuôi con chung trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Dương Thị Thúy L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí về ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0004129 ngày 09 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp, chị Dương Thị Thúy L đã nộp xong.

Anh Trần Trung T không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Dương Thị Thúy L được kháng cáo trong 15 ngày từ ngày tuyên án, anh Trần Trung T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Toà án Tỉnh;
- VKS KV6-ĐT;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Thị Cẩm Hừng